CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Ngày 30/06/2025	6,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.8%	**10.8%**	**5.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,133 - 7,792
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	79
Số lượng CPLH (CP)	12,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	355
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.58
EPS	121
P/E	54.8

DT thuần
Q2/25
29.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 15.9%
YoY: ▼8.50| -22.6%

LN thuần
Q2/25
1.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.06| 196%
YoY: ▼0.14| -12.4%

LN sau thuế
Q2/25
0.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.75| 177%
YoY: ▼0.10| -11.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
4.7%
YoY: +/-▲ 7.3%

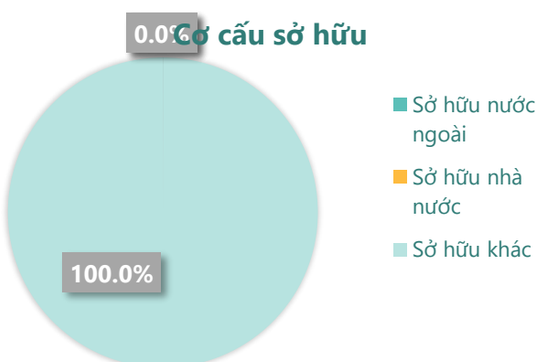
ROE (TTM)
Q2/25
0.8%
YoY: +/-▼ 0.0%

DT thuần
6T 2025
54.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.4| -17.4%

LN thuần
6T 2025
-0.05
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.53| -110%

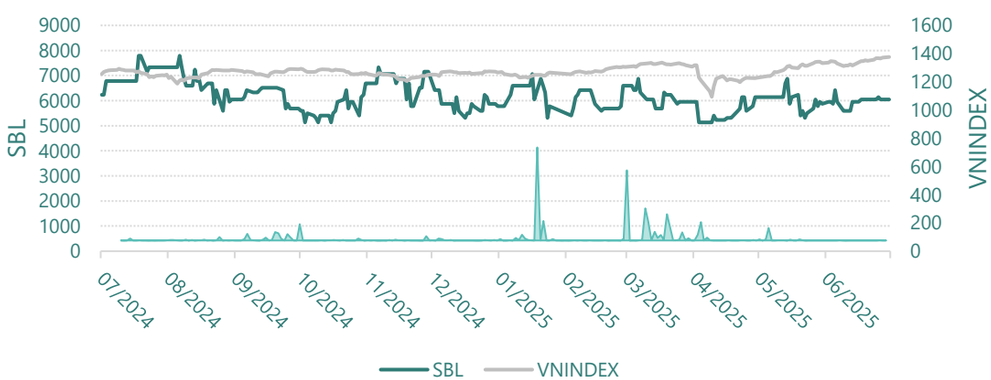
LN sau thuế
6T 2025
-0.23
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.48| -192%

Cơ cấu sở hữu

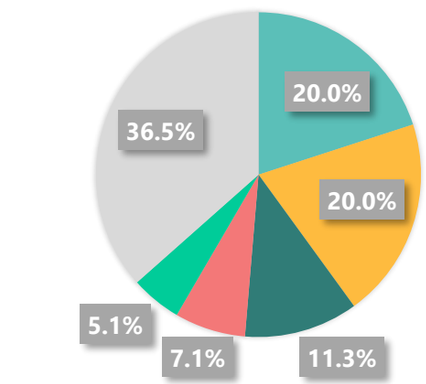


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

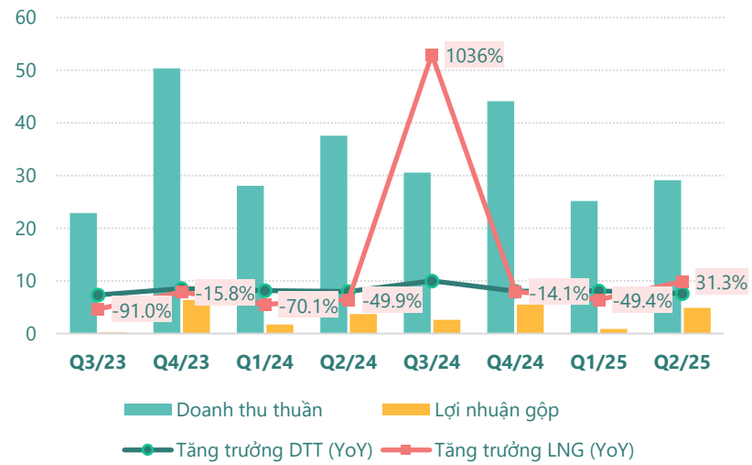


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây
- Nguyễn Thị Phương Khanh
- Nguyễn Duy Hưng
- Phạm Thị Hồng Hạnh (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

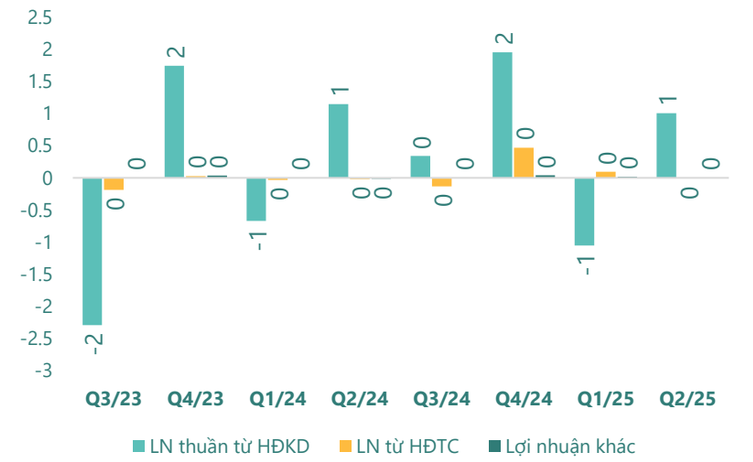
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



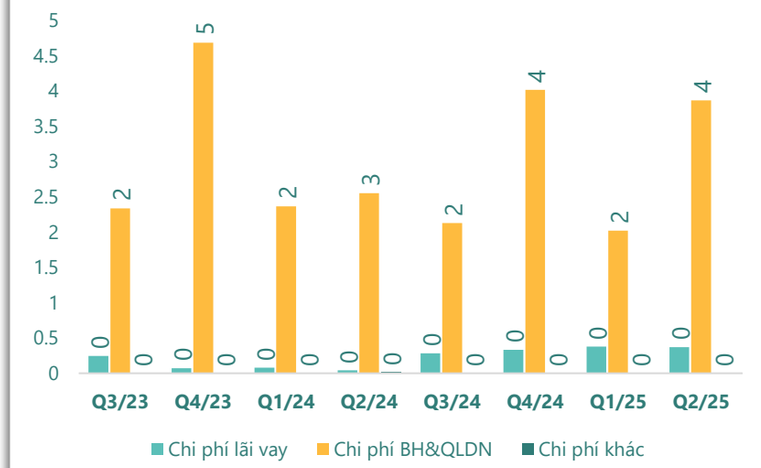
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



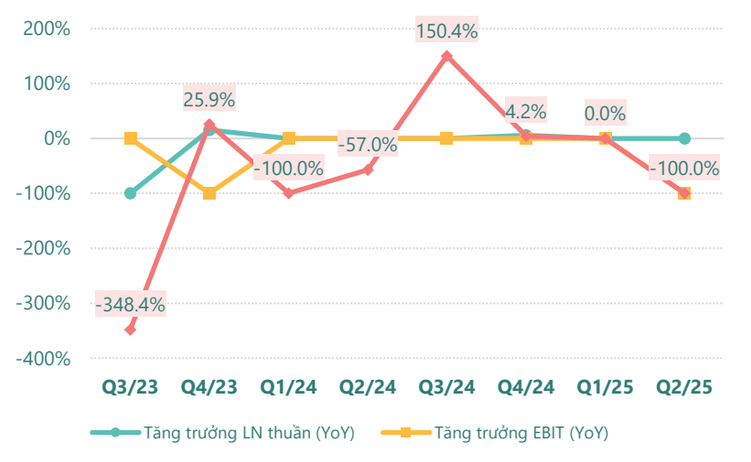
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



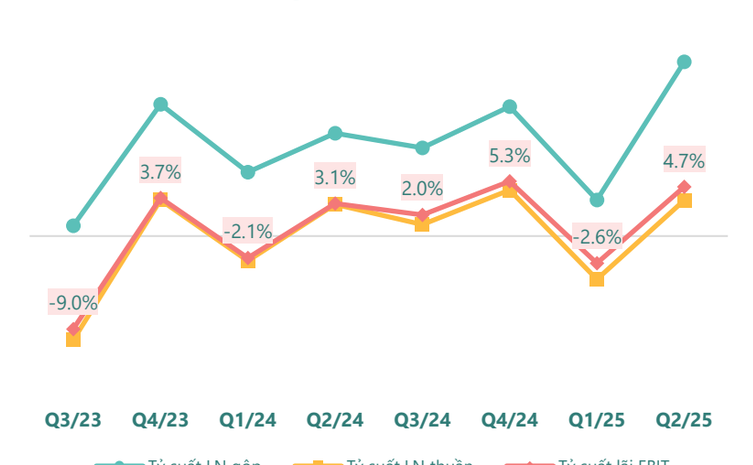
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



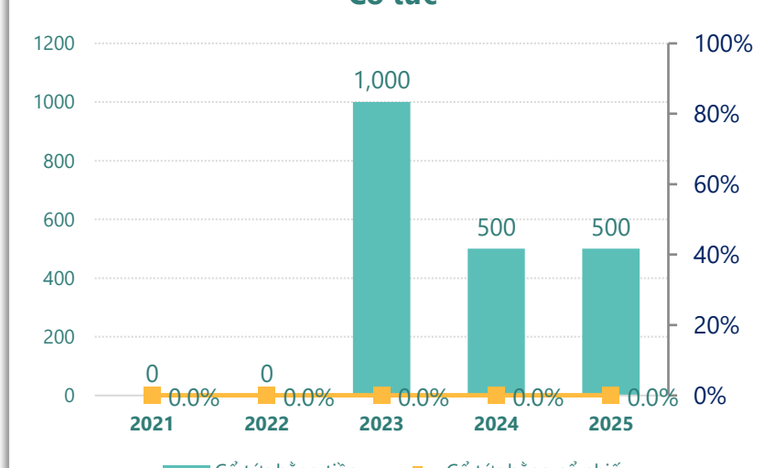
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

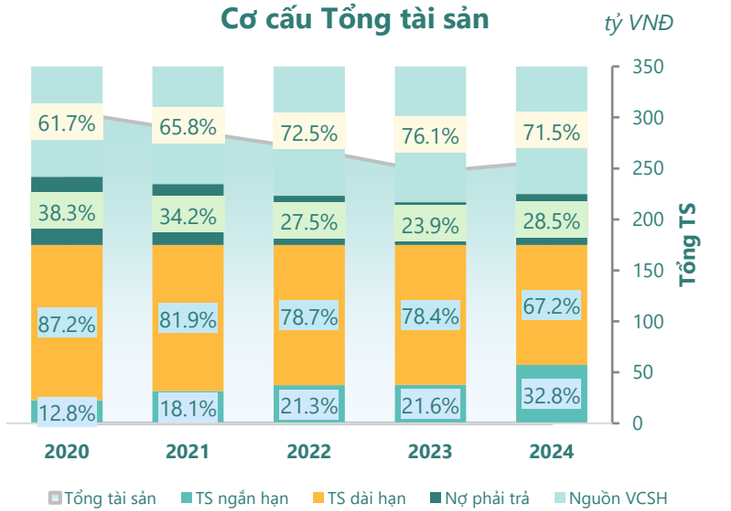
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

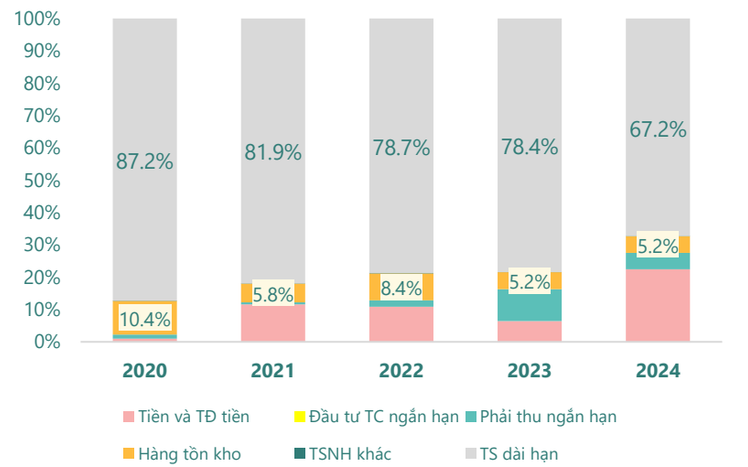
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



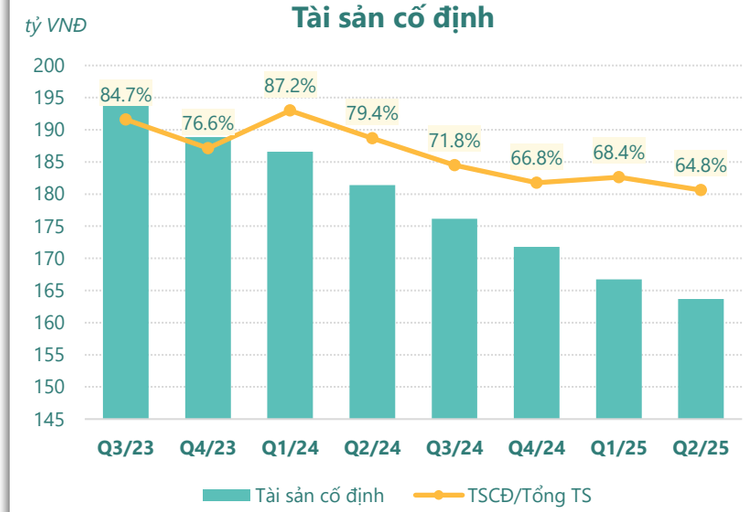
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



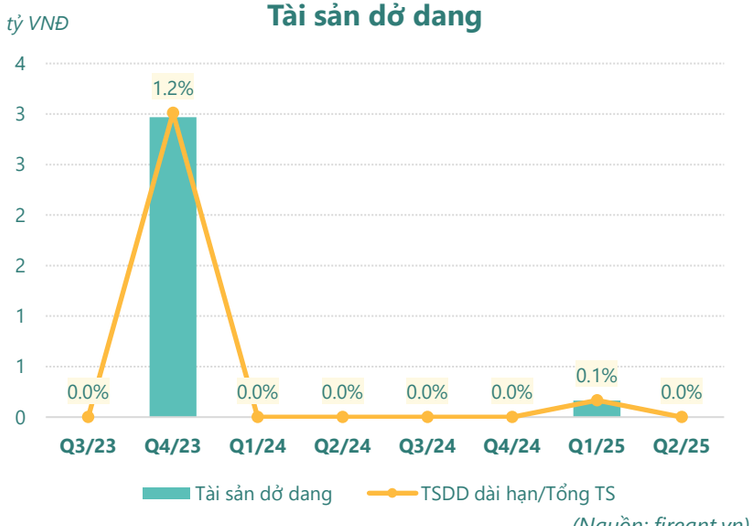
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



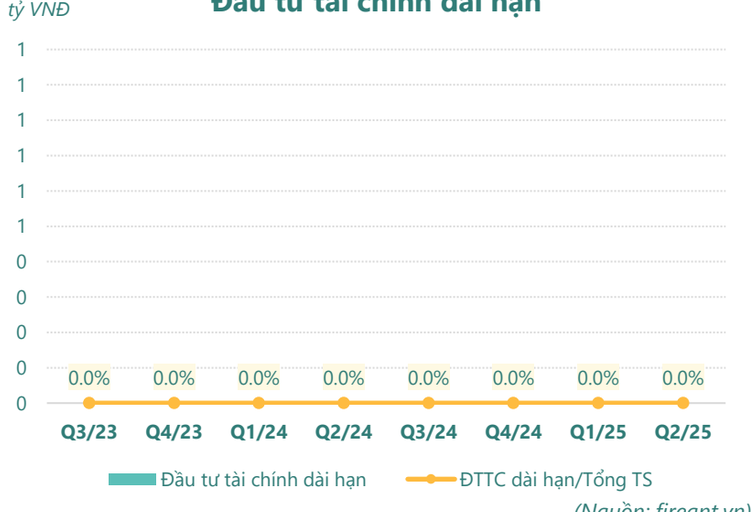
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



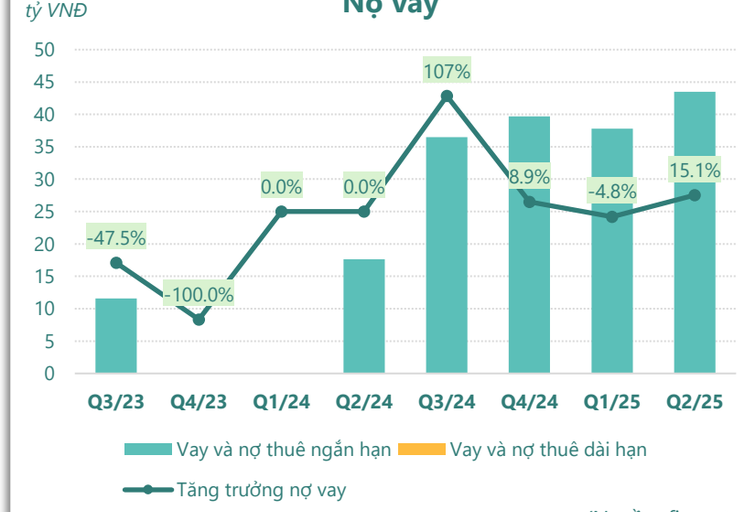
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

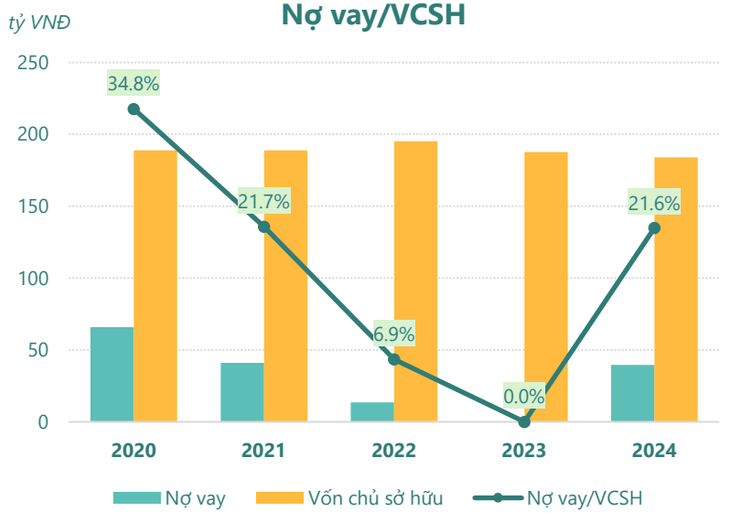
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

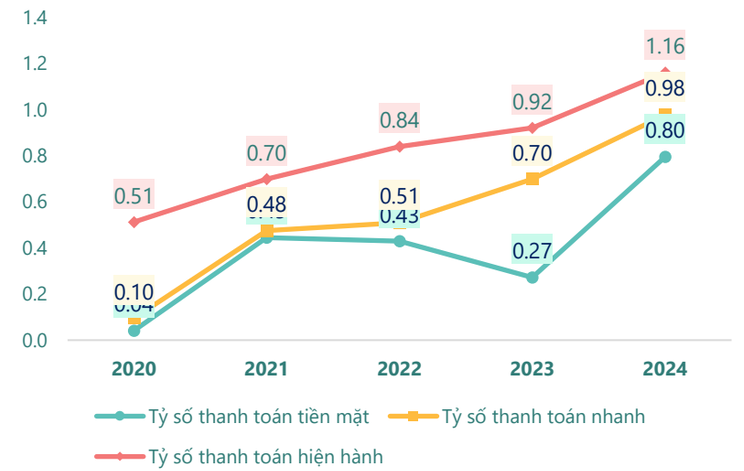
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



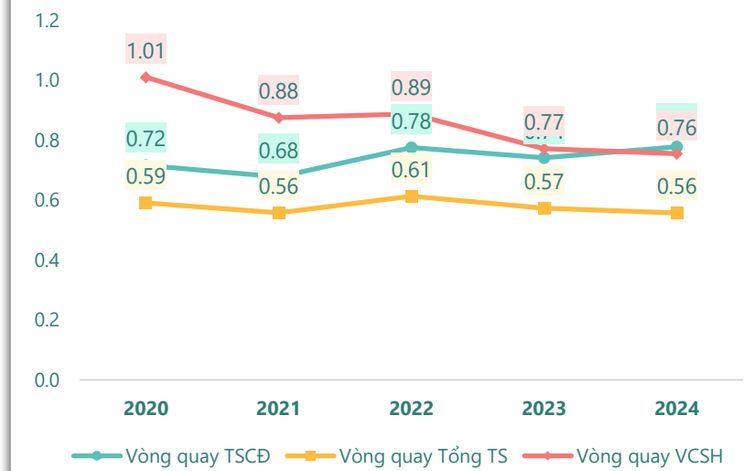
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



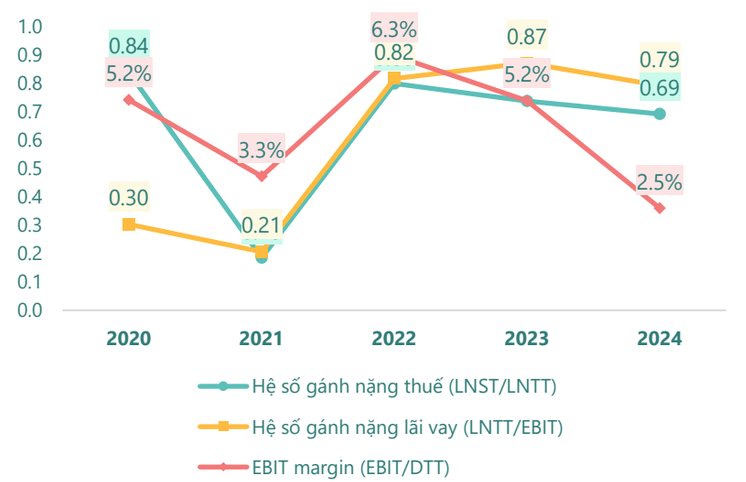
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



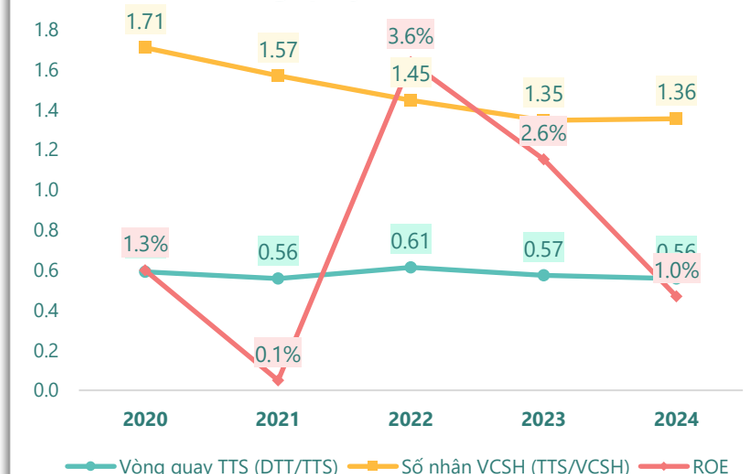
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



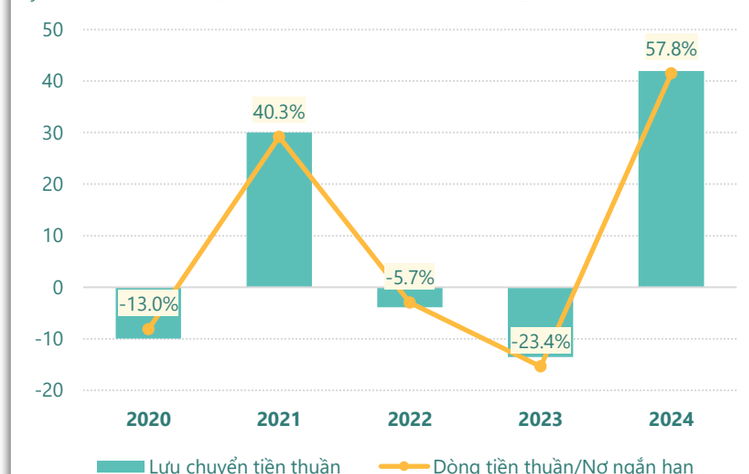
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.1**	**37.6**	**-22.6%**	**54.2**	**65.6**	**-17.4%**
Giá vốn hàng bán	24.2	33.8	-28.4%	48.5	60.2	-19.4%
Lợi nhuận gộp	4.89	3.72	31.3%	5.76	5.45	5.7%
Doanh thu HĐTC	0.36	0.02	1698%	0.83	0.07	1149%
Chi phí TC	0.37	0.04	826%	0.75	0.12	519%
Chi phí lãi vay	0.37	0.04	826%	0.75	0.12	519%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.05	0.12	-60.3%	0.12	0.24	-50.2%
Chi phí QLDN	**3.82**	**2.43**	**57.2%**	**5.77**	**4.67**	**23.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.01	1.15	-12.4%	-0.05	0.48	-110%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.02**	**100%**	**0.02**	**-0.02**	**223%**
LN trước thuế	1.01	1.13	-10.9%	-0.03	0.46	-106%
Lợi nhuận sau thuế	**0.76**	**0.86**	**-11.8%**	**-0.23**	**0.25**	**-192%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.76**	**0.86**	**-11.8%**	**-0.23**	**0.25**	**-192%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.4	2.44	14.6	3.66	2.58	8.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.02	0.15	0.84	-0.40	-3.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	12.1	18.4	3.23	-1.90	5.70
Tiền đầu kỳ	15.8	2.34	16.8	50.0	57.7	58.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-13.4**	**14.5**	**33.2**	**7.73**	**0.28**	**10.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.34	16.8	50.0	57.7	58.0	68.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**253**	**257**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	88.4	84.3	4.8%
Tiền và tương đương tiền	68.3	57.7	18.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.60	0	
Phải thu ngắn hạn	3.99	13.0	-69.4%
Hàng tồn kho	12.4	13.4	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.15	-39.6%
Tài sản dài hạn	**164**	**173**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	164	172	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.72**	**1.15**	**-38.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	75.2	73.2	2.6%
Nợ ngắn hạn	**74.3**	**72.6**	**2.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.5	39.7	9.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.41	4.67	-69.9%
Nợ dài hạn	0.82	0.61	33.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**178**	**184**	**-3.5%**
Vốn chủ sở hữu	**178**	**184**	**-3.5%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)